

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HOÀ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 192/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2017

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đới;
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 610/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H – Sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện H, tỉnh Long An;

Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã L, huyện H, tỉnh Long An;

Bị đơn: Anh T – Sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện H, tỉnh Long An;

(Chị H có mặt; Anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27/6/2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H trình bày: Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 1993, đến năm 2005 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau và không thể sống chung được nữa. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên V, sinh ngày 13/11/1994 đã trưởng thành và N, sinh ngày 15/10/2005 hiện đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn, chị H xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời trình bày của anh T: Xác nhận lời trình bày của chị H về tình trạng hôn nhân, con chung, nợ chung giữa anh T và chị H theo chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chỉ tại bữa anh T say rượu có về nhà chửi bà già vợ nên bị em vợ đánh rồi vợ làm đơn xin ly hôn. Ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Nay chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý vì còn thương vợ thương con.

Nếu Tòa án cho ly hôn;

Về con chung: Có 02 con chung tên V, sinh ngày 13/11/1994 đã trưởng thành và N, sinh ngày 15/10/2005 hiện đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn, con theo ai người đó nuôi không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 con bò cái (lông màu vàng đỏ; cao khoảng 1,5m; nặng khoảng 200kg) hiện đang để chung nhà, 01 căn nhà cấp 4 ngang 05m, dài 16m, kết cấu nhà tường xây tô, có gián gạch ở phòng khách, nền gạch bông, mái tole, không có laphong trị giá khoảng 400.000.000đ xây trên đất của bà mẹ vợ. Khi ly hôn, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Về tố tụng: Anh T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 1993, đến năm 2005 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trước tòa, chị H cương quyết xin ly hôn với anh T vì chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại, ngược lại anh T xin hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị H vì cho rằng còn thương chị H và do con còn nhỏ không muốn làm ảnh hưởng đến con cái nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy chị H và anh T đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết nhưng mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Chị H xin ly hôn được Tòa án

thụ lý giải quyết, anh T xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn được chị H chấp nhận và chị H cho rằng anh T chỉ lo nhậu nhẹt không lo làm ăn, anh T cũng nhận thức được sai trái của mình và hứa cố gắng sửa chữa nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho chị H tin tưởng. Mặt khác, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến tham dự phiên tòa thể hiện ý chí đoàn tụ. Từ đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc nên chị H xin ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

[2.1] Đối với con chung tên V, sinh ngày 13/11/1994 đã trưởng thành nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Hạnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Đối với cháu N, sinh ngày 15/10/2005 hiện đang sống với vợ chồng. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn, cả chị H và anh T đều xác định con theo ai thì người đó nuôi và không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N, sinh ngày 15/10/2005 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị H nên giao cháu N cho chị H nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Tài sản chung: Cả chị H và anh T đều xác định tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về nợ chung: Cả chị H và anh T đều xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H xin ly hôn đối với anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H được nuôi con chung tên N, sinh ngày 15/10/2005. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh T có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0794 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà để thi hành.

Án này là sơ thẩm, chị H có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã L
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mai Văn Hiệp